

Mẫu số 02

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT  
TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 /CBIT-VLA

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

- Mã chứng khoán: VLA
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Văn phòng giao dịch: P1204 tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02466736118 Fax:
- Email: [vlagroup.jsc@gmail.com](mailto:vlagroup.jsc@gmail.com) Website: [vla.vn](http://vla.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023  
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/01/2024 tại đường dẫn: <https://vla.vn/pages?tags=shareholder>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại khu Cao Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

=  $18.000.000.000 / 26.214.270.994 * 100\% = 68,66\%$

- Ngày hoàn thành giao dịch: 20/12/2022

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

#### Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

#### Tài liệu đính kèm:

- BCTC.....

- Văn bản giải trình .....



Nguyễn Hữu Thuận





Mẫu số 01

CÔNG TY CP ĐT VÀ PT CÔNG NGHỆ VĂN LANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 44 /2024/CBTT-VLA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC năm 2023

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

**Kính gửi:**

**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên công ty: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang
- Mã chứng khoán: VLA
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.  
Văn phòng giao dịch: P1204 tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 024.35121610 Fax: 024.35121611
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hữu Thuận
- Nội dung của thông tin công bố:

6.1. Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được lập ngày 23 tháng 01 năm 2024 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCGT, TMBCTC.

6.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận giữa Báo cáo tài chính năm 2023 so với Báo cáo tài chính năm 2022

Nội dung giải trình:

- Do tình hình kinh tế khó khăn, lợi nhuận sau thuế của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang năm 2023 là 0,131 tỷ đồng giảm 3,507 tỷ đồng so với năm 2022.

- Doanh thu năm 2023 là 10,98 tỷ đồng, giảm 21,49 tỷ đồng so với năm 2022 tương đương giảm 66% chủ yếu do sự sụt giảm đáng kể lượng học viên tham gia các khóa học làm cho doanh thu đào tạo năm 2023 giảm mạnh so với năm 2022.

- Giá vốn năm 2023 là 2,7 tỷ đồng giảm 8,73 tỷ đồng so với năm 2022 tương ứng với sự sụt giảm doanh thu.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.vla.vn](http://www.vla.vn)>Tài liệu>Dành cho cổ đông

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu: TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN**  
**CÔNG NGHỆ VĂN LANG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Điều hành</b>	2 – 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5 – 6
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 38



## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007. Công ty có 11 lần thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng giao dịch của Công ty tại Phòng 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Quang Thịnh	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Ủy viên HĐQT

**Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Hoàng Thị Viêt	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Huy Bảo	Thành viên ban kiểm soát
Bà Khương Thị Phương Uyên	Thành viên ban kiểm soát

**Các thành viên của Ban Điều hành và Kế toán trưởng công ty trong năm bao gồm:**

Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hà	Phó Giám đốc
Bà Hà Diệu Ngọc	Kế toán trưởng

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Hữu Thuận.**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Cam kết khác**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ\_CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024

**TM. Ban điều hành**

**Giám đốc**



**Nguyễn Hữu Thuận**





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 03/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang*

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được lập ngày 23 tháng 01 năm 2024 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của *Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang* tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

**Phó Tổng Giám đốc**



**Hoàng Kim Thùy**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán  
số 1464-2023-133-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Nam Hải**  
Số Giấy CN ĐKHN  
Kiểm toán số 4003-2022-133-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>26.510.757.399</b>	<b>7.306.814.864</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>20.035.001.647</b>	<b>2.669.700.282</b>
1. Tiền	111		20.035.001.647	2.669.700.282
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>200.000.000</b>	<b>2.745.596</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.a	-	5.297.034
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(2.551.438)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.b	200.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.235.082.414</b>	<b>4.410.584.583</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	586.893.200	586.893.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	15	5.800.000	65.921.088
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	-	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.a	5.871.489.214	1.926.270.295
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	8	(229.100.000)	(168.500.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>37.240.000</b>	<b>34.000.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		37.240.000	34.000.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.433.338</b>	<b>189.784.403</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	3.433.338	12.606.796
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	177.177.607



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.860.396.607</b>	<b>18.907.456.130</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>58.400.000</b>	<b>58.400.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7.b	58.400.000	58.400.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>791.770.470</b>	<b>841.256.130</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	-
- Nguyên giá	222		753.454.249	753.454.249
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(753.454.249)	(753.454.249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	791.770.470	841.256.130
- Nguyên giá	228		989.713.110	989.713.110
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(197.942.640)	(148.456.980)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>18.007.800.000</b>	<b>18.007.800.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.007.800.000	18.007.800.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.426.137</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	2.426.137	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45.371.154.006</b>	<b>26.214.270.994</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.817.820.937</b>	<b>2.497.397.094</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.817.820.937</b>	<b>2.497.397.094</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	226.571.070	278.616.240
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	645.403.562	1.202.475.944
3. Phải trả người lao động	314		284.888.702	345.654.048
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	351.957.700	512.728.095
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	137.252.448	58.959.448
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		171.747.455	98.963.319
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>43.553.333.069</b>	<b>23.716.873.900</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>43.553.333.069</b>	<b>23.716.873.900</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.959.960.000	19.979.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.959.960.000	19.979.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(202.680.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		181.960.340	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.614.092.729	3.736.893.900
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ	421a		3.482.149.424	97.687.096
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		131.943.305	3.639.206.804
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45.371.154.006</b>	<b>26.214.270.994</b>

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

*Njz*

Hà Diệu Ngọc

Kế toán trưởng

*Njz*

Hà Diệu Ngọc



Nguyễn Hữu Thuận



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH  
Năm 2023Đơn vị tính: VND  
Năm trước

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	10.986.743.145	32.478.571.750
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	10.986.743.145	32.478.571.750
4. Giá vốn hàng bán	11	22	2.775.032.744	11.502.375.986
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.211.710.401	20.976.195.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	35.025.020	4.309.827.485
7. Chi phí tài chính	22	24	(1.301.375)	4.157.792.214
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	4.592.863
8. Chi phí bán hàng	24	25	5.784.620.560	8.183.619.910
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	2.317.283.176	4.153.378.478
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		146.133.060	8.791.232.647
11. Thu nhập khác	31	27	229.282.798	13.416.617
12. Chi phí khác	32	28	42.699.826	4.210.492.233
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		186.582.972	(4.197.075.616)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		332.716.032	4.594.157.031
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	200.772.727	954.950.227
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		131.943.305	3.639.206.804
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	27.50	1.764.69

Người lập biểu

Hà Diệu Ngọc

Kế toán trưởng

Hà Diệu Ngọc

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Hữu Thuận



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Phương pháp gián tiếp****Năm 2023**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>332.716.032</b>	<b>4.594.157.031</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>72.509.202</b>	<b>4.294.505.688</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02	49.485.660	298.835.562
- Các khoản dự phòng	03	58.048.562	48.151.438
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(35.025.020)	3.942.925.825
- Chi phí lãi vay	06	-	4.592.863
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>405.225.234</b>	<b>8.888.662.719</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.707.755.292)	4.689.348.676
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.240.000)	(34.000.000)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	93.651.026	(857.235.864)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.747.321	(4.870.316)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	5.297.034	11.818.922.966
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(7.469.863)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.046.784.046)	(1.338.250.694)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		113.356.426
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(15.102.093)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.246.858.723)</b>	<b>23.253.361.957</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(18.007.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	468.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(700.000.000)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.500.000.000	6.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.860.088	202.047.485
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.834.860.088</b>	<b>(19.337.752.515)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Tiếp theo)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	19.777.300.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1.000.000.000)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(540.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>19.777.300.000</b>	<b>(1.540.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>17.365.301.365</b>	<b>2.375.609.442</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.669.700.282</b>	<b>294.090.840</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>20.035.001.647</b>	<b>2.669.700.282</b>

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



Hà Diệu Ngọc

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc



Nguyễn Hữu Thuận



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận và được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007. Công ty có 11 lần thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng giao dịch của Công ty tại Phòng 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, - Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của công ty theo Đăng ký kinh doanh là: 39.959.960.000 đồng (Ba mươi chín tỷ chín trăm năm mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 3.995.996 cổ phần.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là: Giáo dục, tư vấn.

Số lượng cán bộ công nhân viên công ty đến thời điểm 31/12/2023 là: 16 người

#### **Ngành nghề kinh doanh chính**

Hoạt động chính của Công ty:

- Giáo dục khác chưa phân vào đâu

Chi tiết:

+) Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ, Đào tạo kỹ năng tư duy, kỹ năng marketing, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian,...

+) Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng;

+) Các dịch vụ dạy kèm (Gia sư);

+) Giáo dục dự bị;

+) Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém;

+) Các khóa học dạy phê bình, đánh giá chuyên môn;

+) Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;

+) Dạy đọc nhanh;



- + ) Đào tạo sự sống;
  - + ) Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;
  - + ) Dạy máy tính;
- (Chi hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép).
- + ) Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
- Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.
- + ) Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản.

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

### **2.5. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp, thông tin, thuế, lệ phí, và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **2.6. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn



nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu nhận theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.  
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8. Tài sản cố định, hữu hình, tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                    |             |
|--------------------|-------------|
| - Máy móc thiết bị | 03 – 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 – 10 năm |

## **2.9. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.12. Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;



- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **2.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.14. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### *a. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

***b. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành***

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 20% đối với các hoạt động, dịch vụ khác.

**2.16. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

- Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**2.17. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó



#### **2.18. Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	330.165	721.369
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.034.671.482	2.668.978.913
	<b>20.035.001.647</b>	<b>2.669.700.282</b>

**4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển xây dựng Cộg	-	-	5.297.034	(2.551.438)
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.297.034</b>	<b>(2.551.438)</b>

**b. Đầu tư nắm giữa đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	200.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 4,3%/năm

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty cổ phần phát triển công nghệ VSOFT	250.000.000	250.000.000
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	97.893.200	97.893.200
Công ty cổ phần Sách Alpha	68.000.000	68.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn La	33.000.000	33.000.000
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	33.000.000	33.000.000
Các khách hàng khác	55.000.000	55.000.000
	<b>586.893.200</b>	<b>586.893.200</b>

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Bà Nguyễn Mai Lan	-	-	2.000.000.000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>



(\*): Cho vay theo hợp đồng số 05/2022/HĐVV ngày 30/12/2022, số tiền vay 2.000.000.000 VND, thời hạn cho vay 02 tháng, lãi suất 8%/năm. Hợp đồng đã thanh lý ngày 28/02/2023.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.871.489.214</b>	-	<b>1.926.270.295</b>	-
Tạm ứng (1)	5.691.324.282	-	1.921.270.295	-
Phải thu khác ngắn hạn khác (2)	180.164.932	-	5.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>58.400.000</b>	-	<b>58.400.000</b>	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	58.400.000	-	58.400.000	-
	<b>5.929.889.214</b>	-	<b>1.984.670.295</b>	-

(1) Chi tiết số dư tạm ứng tại thời điểm 31/12/2023

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Hữu Thuận - Tạm ứng kinh doanh	-	713.580.615
Ông Nguyễn Thành Tiến - Tạm ứng kinh doanh	-	207.723.680
Ông Nguyễn Tùng Anh - Tạm ứng marketing	-	440.000.000
Ông Hoàng Trịnh Vĩnh An - Tạm ứng Marketing	1.332.390.000	559.966.000
Bà Hà Thúy Hằng - Tạm ứng kinh doanh	787.347.282	-
Bà Nguyễn Mai Lan - Tạm ứng kinh doanh	554.295.000	-
Ông Phạm Bá Thái - Tạm ứng Marketing	1.560.000.000	-
Ông Phạm Đồng Gia Kiệt - Tạm ứng Marketing	1.457.292.000	-
	<b>5.691.324.282</b>	<b>1.921.270.295</b>

(2) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác tại thời điểm 31/12/2023

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Trần Văn Thăng (*)	180.000.000	-
Các đối tượng khác	164.932	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>180.164.932</b>	<b>5.000.000</b>

(\*) Thu tiền phạt hợp đồng do ông Trần Văn Thăng không thực hiện đúng hợp đồng theo Biên bản thỏa thuận số 141/2023/BBTT-HĐMB-BĐS.VLA ngày 28/12/2023 bổ sung kèm theo hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

## 7. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Số dư các bên liên quan	Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
			VND		VND	
	Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-		207.723.680	
	Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc	-		713.580.615	
	<b>Cộng</b>		-		<b>921.304.295</b>	

## 8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Sách Alpha	68.000.000	68.000.000	68.000.000	68.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50.000.000	50.000.000	50.000.000	25.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn La	33.000.000	23.100.000	33.000.000	16.500.000
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	33.000.000	33.000.000	33.000.000	16.500.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	25.000.000	25.000.000	25.000.000	12.500.000
Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Tuyên Quang	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>239.000.000</b>	<b>229.100.000</b>	<b>239.000.000</b>	<b>168.500.000</b>

## 9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	37.240.000	-	34.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>37.240.000</b>	<b>-</b>	<b>34.000.000</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.



## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số dư cuối năm	753.454.249	753.454.249
<b>Hao mòn TSCĐ</b>		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số dư cuối năm	753.454.249	753.454.249
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

- Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi thế chấp tại 31/12/2023 là: 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 753.454.249 VND.

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	989.713.110	989.713.110
Số cuối năm	-	989.713.110
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	148.456.980	148.456.980
Số tăng trong năm	49.485.660	49.485.660
- <i>Khấu hao trong năm</i>	49.485.660	49.485.660
Số cuối năm	-	197.942.640
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	-	841.256.130
Tại ngày cuối năm	-	791.770.470

- Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi thế chấp tại 31/12/2023 là: 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 0 VND.

## 12. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>- Mua sắm tài sản cố định:</i>		
Quyền sử dụng đất tại Quảng Ninh (*)	18.007.800.000	18.007.800.000
	<b>18.007.800.000</b>	<b>18.007.800.000</b>

(\*) Là giá trị quyền sử dụng đất tại Tờ 103, Khu Cao Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thị xã Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang với ông Trần Văn Thắng ngày 20/12/2022. Đến thời điểm 31/12/2023 hai bên đang hoàn tất thủ tục chuyển tên sở hữu quyền sử dụng đất sang tên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

## 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.433.330</b>	<b>12.606.796</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	433.330	9.606.796
- Phẩm mềm	3.000.000	-
- Chi phí khác	-	3.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.426.137</b>	<b>-</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.426.137	-
<b>Cộng</b>	<b>5.859.467</b>	<b>12.606.796</b>

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Hòn Kiến	-	-	56.249.640	56.249.640
Bà Nhữ Thị Thanh Huyền	-	-	35.480.000	35.480.000
Công ty TNHH Bến Phà	-	-	35.359.200	35.359.200
Công ty TNHH Đầu tư ẩm thực Sài Gòn New	-	-	28.438.000	28.438.000
Công ty TNHH Trường đào tạo kinh doanh & Đầu tư thực tế NIK	100.234.400	100.234.400	-	-
Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia	82.000.000	82.000.000	-	-
Bà Hoàng Thị Minh Tâm	43.500.000	43.500.000	-	-
Phải trả người bán khác	836.670	836.670	123.089.400	123.089.400
<b>Cộng</b>	<b>226.571.070</b>	<b>226.571.070</b>	<b>278.616.240</b>	<b>278.616.240</b>



**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**Số dư với các bên liên quan**

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty TNHH Trường đào tạo kinh doanh & Đầu tư thực tế NIK (*)	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của Chủ tịch Hội đồng quản trị làm người đại diện	100.234.400	-

(\*) Công ty TNHH Trường đào tạo kinh doanh & Đầu tư thực tế NIK cung cấp dịch vụ quản lý vận hành các khóa học và bán sách.

**15. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Thẩm định giá Bắc Việt	5.800.000	-
Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia	-	50.000.000
Google	-	15.921.088
<b>Cộng</b>	<b>5.800.000</b>	<b>65.921.088</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
- Chi phí bản quyền bài giảng của ông Đặng Trọng Khang	227.612.000	512.728.095
- Chi phí giảng viên ông Nguyễn Thành Tiến	85.545.700	-
- Khác	38.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>351.957.700</b>	<b>512.728.095</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Ông Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn	227.612.000	512.728.095
Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	85.545.700	-
<b>Cộng</b>		<b>313.157.700</b>	<b>512.728.095</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	63.582.448	40.359.448
Bảo hiểm xã hội	21.866.250	-
Bảo hiểm y tế	3.858.750	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.715.000	-

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Phòng 1204, Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa -  
 Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**17. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**

Các khoản phải trả, phải nộp khác	46.230.000	18.600.000
<i>Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát</i>	<i>37.200.000</i>	<i>18.600.000</i>
<i>Phải trả bà Nguyễn Thu Hà</i>	<i>9.030.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>137.252.448</u></b>	<b><u>58.959.448</u></b>

**Số dư với các bên liên quan**

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Thù lao HĐQT, BKS</b>			
Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	3.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	4.800.000	2.400.000
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên HĐQT	3.600.000	1.800.000
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Ủy viên HĐQT	3.600.000	1.800.000
Ông Trần Quang Thịnh	Ủy viên HĐQT	3.600.000	1.800.000
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thư ký HĐQT	3.600.000	1.800.000
Bà Hoàng Thị Viêt	Trưởng Ban kiểm soát	4.800.000	2.400.000
Ông Nguyễn Huy Bảo	Kiểm soát viên	3.600.000	1.800.000
Bà Khương Thị Phương Uyên	Kiểm soát viên	3.600.000	1.800.000
<b>Phải trả khác</b>			
Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	<i>9.030.000</i>	-
<b>Cộng</b>		<b><u>46.230.000</u></b>	<b><u>18.600.000</u></b>



**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	-	603.941.979	46.283.895	-	557.658.084
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	929.621.429	200.772.727	1.046.784.046	-	83.610.110
Thuế Thu nhập cá nhân	-	243.187.571	76.553.281	315.605.484	-	4.135.368
Các loại thuế khác	-	29.666.944	51.885.527	81.552.471	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	36.323.796	36.323.796	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.202.475.944</b>	<b>969.477.310</b>	<b>1.526.549.692</b>	<b>-</b>	<b>645.403.562</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Phòng 1204, Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa -  
Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>174.697.520</b>	<b>3.151.046.342</b>	<b>6.605.279.660</b>	<b>20.731.023.522</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	3.639.206.804	3.639.206.804
- Chia cổ tức	-	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
- Trích quỹ	-	-	283.391.065	(396.747.491)	(113.356.426)
- Tăng vốn từ lợi nhuận để lại	9.179.980.000	(174.697.520)	(3.434.437.407)	(5.570.845.073)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>19.979.980.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.736.893.900</b>	<b>23.716.873.900</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>19.979.980.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.736.893.900</b>	<b>23.716.873.900</b>
- Tăng vốn trong năm (*)	19.979.980.000	(202.680.000)	-	-	19.777.300.000
- Lãi trong năm	-	-	-	131.943.305	131.943.305
- Trích Quỹ (**)	-	-	181.960.340	(254.744.476)	(72.784.136)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>39.959.960.000</b>	<b>(202.680.000)</b>	<b>181.960.340</b>	<b>3.614.092.729</b>	<b>43.553.333.069</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022 phát hành 1.997.998 cổ phiếu với tổng giá trị theo mệnh giá là 19.979.980.000 đồng.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐVL, trong đó: Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LNST, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2% LNST: 254.744.476 VND.



**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
Ông Đặng Trọng Khang	9.982.600.000	24,98%	4.991.300.000	24,98%
Ông Nguyễn Hữu Thuận	3.996.000.000	10,00%	1.998.000.000	10,00%
Ông Nguyễn Thành Tiến	3.629.700.000	9,08%	1.814.850.000	9,08%
Bà Nguyễn Thu Hà	3.753.470.000	9,39%	1.341.250.000	6,71%
Công ty CP CI Hoding	1.980.000.000	4,95%	990.000.000	4,95%
Các cổ đông khác	16.618.190.000	41,59%	8.844.580.000	44,27%
<b>Cộng</b>	<b>39.959.960.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>19.979.980.000</b>	<b>100,00%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	19.979.980.000	10.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	19.979.980.000	9.179.980.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>- Vốn góp cuối năm</b>	<b>39.959.960.000</b>	<b>19.979.980.000</b>
- Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm:	-	540.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	-	540.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng tiền:	-	540.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	-	540.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng cổ phiếu	-	-
<b>- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm:</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.995.996	1.997.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.995.996	1.997.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.995.996	1.997.998
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.995.996	1.997.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.995.996	1.997.998

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	181.960.340	-

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	344.380.967	419.904.761
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.642.362.178	32.058.666.989
<b>Cộng</b>	<b>10.986.743.145</b>	<b>32.478.571.750</b>

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	344.380.967	419.904.761
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.642.362.178	32.058.666.989
<b>Cộng</b>	<b>10.986.743.145</b>	<b>32.478.571.750</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	106.114.234	352.644.923
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.668.918.510	11.149.731.063
<b>Cộng</b>	<b>2.775.032.744</b>	<b>11.502.375.986</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	35.025.020	202.047.485
- Chiết khấu thanh toán	-	4.107.780.000
<b>Cộng</b>	<b>35.025.020</b>	<b>4.309.827.485</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	-	4.592.863
- Hoàn nhập/Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(2.551.438)	2.551.438
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.243.984	4.114.952.041
- Chi phí tài chính khác	6.079	35.695.872
<b>Cộng</b>	<b>(1.301.375)</b>	<b>4.157.792.214</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân công	1.207.304.519	19.296.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.567.962.143	8.017.337.369
- Chi phí khác bằng tiền	9.353.898	146.986.541
<b>Cộng</b>	<b>5.784.620.560</b>	<b>8.183.619.910</b>



**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí vật tư văn phòng, CCDC	12.120.048	41.393.030
- Chi phí nhân công	1.575.491.545	2.132.263.336
- Chi phí dự phòng	-	45.600.000
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.071.036	1.501.222.645
- Chi phí khác bằng tiền	205.600.547	429.899.467
<b>Cộng</b>	<b>2.317.283.176</b>	<b>4.153.378.478</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Phạt bồi thường	180.000.000	-
- Thu nhập khác	49.282.798	13.416.617
<b>Cộng</b>	<b>229.282.798</b>	<b>13.416.617</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Các khoản phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	37.648.467	65.508.402
- Thanh lý tài sản cố định	-	4.144.973.310
- Chi phí khác	5.051.359	10.521
<b>Cộng</b>	<b>42.699.826</b>	<b>4.210.492.233</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Nội dung	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh thông thường</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	332.716.032	4.278.157.031
Các khoản điều chỉnh tăng	85.334.517	338.594.105
Thu nhập chịu thuế TNDN	418.050.549	4.616.751.136
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>83.610.110</b>	<b>923.350.227</b>
<b>b. Thuế TNDN từ hoạt động cung cấp dịch vụ phần mềm</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	-	316.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	316.000.000
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 10%)</b>	<b>-</b>	<b>31.600.000</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)**

<b>c. Chi phí thuế TNDN 2023</b>	<b>83.610.110</b>	<b>954.950.227</b>
Điều chỉnh theo BB kiểm tra thuế	91.833.819	-
Thuế TNDN bổ sung năm trước	25.328.798	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>200.772.727</b>	<b>954.950.227</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần sau thuế	131.943.305	3.639.206.804
Các khoản điều chỉnh	72.784.136	113.356.426
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST</i>	72.784.136	113.356.426
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	59.159.169	3.525.850.378
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	2.151.269	1.997.998
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>27.50</b>	<b>1.764.69</b>

(\*) Năm 2023 công ty có thực hiện tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu, số lượng là 1.997.998 cổ phiếu. Theo đó số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền năm nay được tính như sau:

*Chi tiết cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm:*

Ngày	Số tiền	Số lượng	Cổ phiếu bình quân
01/01/2023	19.979.980.000	1.997.998	1.997.998
04/12/2023	19.979.980.000	1.997.998	153.271
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.959.960.000</b>	<b>3.995.996</b>	<b>2.151.269</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.035.001.647	-	2.669.700.282	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.516.782.414	229.100.000	2.571.563.495	168.500.000
Các khoản cho vay	-	-	2.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	200.000.000	-	5.297.034	2.551.438
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.751.784.061</b>	<b>229.100.000</b>	<b>7.246.560.811</b>	<b>171.051.438</b>
Nợ phải trả tài chính			Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác			363.823.518	337.575.688
Chi phí phải trả			351.957.700	512.728.095
<b>Cộng</b>			<b>715.781.218</b>	<b>850.303.783</b>



**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.035.001.647	-	-	20.035.001.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.458.382.414	58.400.000	-	6.516.782.414
Đầu tư ngắn hạn	200.000.000	-	-	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.693.384.061</b>	<b>58.400.000</b>	-	<b>26.751.784.061</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Số đầu năm**

Tiền và các khoản tương đương tiền	2.669.700.282	-	-	2.669.700.282
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.513.163.495	58.400.000	-	2.571.563.495
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.297.034			5.297.034
<b>Cộng</b>	<b>7.188.160.811</b>	<b>58.400.000</b>	<b>-</b>	<b>7.246.560.811</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	363.823.518	-	-	363.823.518
Chi phí phải trả	351.957.700	-	-	351.957.700
<b>Cộng</b>	<b>715.781.218</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>715.781.218</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	337.575.688	-	-	337.575.688
Chi phí phải trả	512.728.095	-	-	512.728.095
<b>Cộng</b>	<b>850.303.783</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>850.303.783</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này



**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, thành phẩm	Cung cấp dịch vụ	Khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	344.380.967	10.642.362.178	-	10.986.743.145
Chi phí bộ phận	106.114.234	2.668.918.510	-	2.775.032.744
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>238.266.733</b>	<b>7.973.443.668</b>	-	<b>8.211.710.401</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>				<b>8.101.903.736</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				109.806.665
Doanh thu hoạt động tài chính				35.025.020
Chi phí tài chính				(1.301.375)
Thu nhập khác				229.282.798
Chi phí khác				42.699.826
Thuế TNDN hiện hành				200.772.727
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>131.943.305</b>

**34. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****a. Thông tin các bên liên quan****Bên liên quan**

Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc công ty
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT
Ông Trần Quang Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Việt	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Hà Diệu Ngọc	Kế toán trưởng
Ông Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Trường Đào tạo kinh doanh & Đầu tư thực tế NIK	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật

**b. Giao dịch với bên liên quan**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Ông Nguyễn Thành Tiến</b>		
Tạm ứng	5.800.000.320	29.200.000.000
Hoàn tạm ứng	6.007.724.000	28.992.276.320
Chi phí giảng viên	85.545.700	-
<b>Ông Nguyễn Hữu Thuận</b>		
Tạm ứng	832.070.781	26.511.305.264
Hoàn tạm ứng	1.545.651.396	29.428.967.149
<b>Ông Nguyễn Văn Đức</b>		
Tạm ứng	204.900.000	8.046.401.500
Hoàn ứng	204.900.000	8.046.401.500
<b>Ông Đặng Trọng Khang</b>		
Chi phí bản quyền bài giảng	227.612.000	1.952.190.000
Thanh toán chi phí bản quyền bài giảng	483.664.400	1.960.045.905
<b>Công ty TNHH Trường Đào tạo kinh doanh &amp; Đầu tư thực tế</b>		
Mua sách	56.628.574	264.244.912
Chi phí dịch vụ quản lý vận hành	423.894.748	2.521.048.886
Thanh toán tiền hàng	423.864.402	3.115.320.414

**- Thu nhập HĐQT, ban điều hành phải trả trong năm 2023 như sau:**

	<u>Tiền lương</u>	<u>Phụ cấp HĐQT, BKS</u>
Ông Nguyễn Thành Tiến - Chủ tịch Hội đồng quản trị	49.918.500	6.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thuận - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	268.642.586	4.800.000
Ông Nguyễn Văn Đức - Thành viên Hội đồng quản trị	166.556.250	3.600.000
Ông Nguyễn Văn Thọ - Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị	167.180.831	3.600.000
Bà Nguyễn Thu Hà - Phó Giám đốc	181.318.317	-
Bà Hà Diệu Ngọc - Kế toán trưởng	178.781.814	-
<b>Tổng</b>	<b>1.012.398.298</b>	<b>18.000.000</b>

**- Số dư với các bên liên quan**

Số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số 7, 14, 16, 17.

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.



**35. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập dựa trên giả thiết công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang hoạt động kinh doanh liên tục.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024

**Người lập biểu**



**Hà Diệu Ngọc**

**Kế toán trưởng**



**Hà Diệu Ngọc**



**Nguyễn Hữu Thuận**

